TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2024/QĐST–DS	*Giồng Trôm, ngày 11 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST–DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc: "tranh chấp hợp đồng vay bán tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hồng V**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp Thới Hoà, xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông **Lữ Phước N**, sinh năm: 1955.

Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1951

Bà **Lữ Thị Trúc P**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: ấp Thới Hoà, xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lữ Phước N là bà Lê Thị N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lữ Phước N, bà Lê Thị N, bà Lữ Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng V số tiền vốn vay là 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) đồng và 687.240.000 (sáu trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.987.240.000 (hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lữ Phước N, bà Lê Thị N, bà Lữ Thị Trúc P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.936.200 (hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm) đồng. Tuy nhiên, ông N, bà N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lữ Thị Trúc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.645.400 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Bà Trần Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.936.200 (hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm) đồng. Tuy nhiên, bà V thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang